

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27-7-2023

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 253/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Đ, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ A, ấp I, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ A, ấp I, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bà Đ có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 08/5/2023, Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 30/6/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đ trình bày:

Bà và ông T chung sống vợ chồng năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 20/9/1999. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên vợ

chồng thường xuyên cãi vã nhau, làm cho cuộc sống của vợ chồng không có hạnh phúc.

Vì không muốn hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ, làm ảnh hưởng xấu đến cuộc sống và học tập của các con, nên bà cố gắng nhường nhịn ông T trong cuộc sống và khuyên ông T nên sửa đổi tính tình để cùng nhau lo làm nuôi con, với hy vọng sẽ hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thời gian qua, bà đã cố gắng rất nhiều, nhưng cuộc sống của vợ chồng cũng không có hạnh phúc mà trái lại mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt.

Hiện tại, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn được nữa, nên bà khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Có ba người con chung tên Nguyễn Thị Hạnh Q, sinh ngày 19/3/1998, Nguyễn Xuân G, sinh ngày 31/5/2003 và Nguyễn Quốc P, sinh ngày 09/5/2014. Ly hôn bà đồng ý giao cháu P cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi cháu P. Riêng hai cháu Q và G đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà Đ có đơn xin vắng mặt. Ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Đ và ông T theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ với ông T chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 20/9/1999, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Đ với ông T là hợp pháp. Bà Đ xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như trên, làm cho tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà Đ yêu cầu xin ly hôn với ông T. Nhưng ông T cũng không có ý kiến

phản đối yêu cầu xin ly hôn của bà Đ nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Đ có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà Đ với ông T1 có ba người con chung tên Nguyễn Thị Hạnh Q, sinh ngày 19/3/1998, Nguyễn Xuân G, sinh ngày 31/5/2003 và Nguyễn Quốc P, sinh ngày 09/5/2014.

Xét bà Đ yêu cầu giao cháu P cho ông T nuôi dưỡng, thấy rằng: Cháu P đã trên 7 tuổi và cũng có nguyện vọng muốn sống với ông T nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu P, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu P cho ông T nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Riêng hai cháu Q và G đã thành niên, bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét ông T không có yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi cháu P, nên Hội đồng xét xử không giải quyết, nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung: Bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông T không có ý kiến trình bày, nên Hội đồng xét xử không giải quyết, nếu sau này có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Nợ chung: Bà Đ xác định không có nợ chung, ông T không có ý kiến trình bày, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thanh Đ được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc P, sinh ngày 09/5/2014 cho ông Nguyễn Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Nguyễn Thị Thanh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017603 ngày 18/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy bà Đ đã thi hành xong án phí.

4. Bà Đ, ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức